TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2019/KDTM-PT
Ngày: 02/5/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình

Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 01năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐPT-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB).

Địa chỉ: Số 77, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1.Ông Hoàng Xuân Q - Giám đốc SHB chi nhánh Kinh Bắc (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn V- Chuyên viên xử lý nợ, phòng xử lý nợ trực thuộc SHB chi nhánh Kinh Bắc (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền số 310/UQ-TGĐ ngày 01/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Bị đơn: Anh Đỗ Quang H, sinh năm 1970 (có mặt)

Chị Trần Thị T, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng Địa chỉ: Thôn TB, xã P, thị xã T, tỉnh BN

Người kháng cáo: Anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/01/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (sau gọi tắt là ngân hàng SHB hoặc SHB) và vợ chồng anh Đỗ Quang H, chị Trần Thị T có ký với nhau Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 09/2018/HĐHM-CN/SHB.112100. Theo hợp đồng, SHB cấp hạn mức cho anh H, chị T vay 2.000.000.000đ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ, tối đa không quá 12 tháng: Lãi vay: thỏa thuận cụ thể tại từng khế ước nhận nợ, lãi phạt chậm trả = 150% lãi trong hạn; Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ vay, tiền lãi trả vào ngày 23 hàng tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay, bên vay là anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số số 57, tờ bản đồ số 12, diện tích 290m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 44, diện tích 287m^2) có địa chỉ tại: Thôn TB, xã P, thị xã T, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: K002816 do UBND huyện T cấp ngày 20/3/1997 cho Đỗ Văn H, ngày 28/6/2011 được Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã T đính chính là Đỗ Quang H thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐTC- CN/SHB.

112100 ngày 04/01/2017 được sửa đổi bổ sung ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Bắc Hà.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký, cùng ngày SHB tiến hành giải ngân giao đủ hạn mức tiền vay cho bên vay là anh H, chị T với số tiền là 2.000.000.000đ (theo khế ước nhận nợ số 01- 09/2018/HĐHM- CN/SHB. 112100 ngày 19/01/2018). Quá trình thực hiện hợp đồng, lãi vay anh chị H- T không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận, kể từ thời điểm giải ngân đến nay tiền lãi anh H, chị T không thanh toán trả cho SHB tháng tiền lãi nào mặc dù SHB nhiều lần có thông báo nhắc nhở nhưng vẫn không thanh toán. Sau nhiều lần có văn bản nhắc nợ không có kết quả, ngày 20/9/2018 SHB có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả số nợ vay tín dụng tính đến ngày 08/8/2018 là 2.114.254.546đ, cụ thể nợ gốc là 2.000.000.000đ; Nợ lãi là 112.896.410đ, lãi phạt là 1.358.136đ. Nếu anh H, chị T không thanh toán trả nợ ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐTC- CN/SHB. 112100 ngày 04/01/2017 được sửa đổi, bổ sung ngày 19/01/2018 để thu nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Đỗ Quang H, chị Trần Thị T thừa nhận việc vay mượn tiền và dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên anh Đỗ Quang H thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ như người đại diện ngân hàng nêu là đúng. Song do kinh doanh, làm ăn gặp khó khăn anh chị không trả được nợ vay. Anh H, chị T đề nghị ngân hàng cho thanh toán trả dần mỗi tháng 20.000.000đ. Ngoài ra, chị T còn trình bày: Theo như hợp đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh đỗ gỗ, nhưng trên thực tế quá trình sử dụng vốn vay anh H không sử dụng vào việc làm ăn mà dùng vốn vay tiêu sài cá nhân, khi vợ chồng đến ngân hàng làm thủ tục vay vốn bản thân chị không muốn vay nhưng do bị anh H ép buộc nên chị phải ký vào hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp đảm bảo tiền vay, chị T đề nghị tòa

xem xét tuyên bố hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2018 giữa SHB với vợ chồng chị vô hiệu.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 05/12/2018 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 39. Điều 143, 144, 146, 147, 235, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 353, 357 Bộ luật dân sự. Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp- Bộ Tài Chính- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản"* Công văn số: 43/1999/KHXX ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng, tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội.

1. Buộc anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội tổng số nợ vay tín dụng tạm tính đến hết ngày 03/12/2018 là 2.181.885.155 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 2.000.000.000đ; Nợ lãi là 178.288.178 đồng và lãi phạt là: 3.596.977 đồng. Nếu anh H, chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 12, diện tích 290m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 44, diện tích 287m^2) có địa chỉ tại: Thôn TB, xã P, thị xã T, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: K 002816 do UBND huyện T cấp ngày 20/3/1997 cho Đỗ Văn H, ngày 28/6/2011 được Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã T đính chính là Đỗ Quang H thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐTC- CN/SHB.112100

ngày 04/01/2017, được sửa đổi bổ sung ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Bắc Hà để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày17 tháng 12 năm 2018, anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ án làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, anh H chị T cho rằng: Ngân hàng SHB cho vay dễ dãi và có sự nhầm lẫn vì cho vay không đúng mục đích là buôn bán gỗ, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, thực tế là anh H dùng tiền vay để tiêu sài cá nhân hết. Chị T còn cho rằng chị bị anh H ép buộc phải ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp do vậy anh, chị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Hợp đồng tín dụng mà vợ chồng anh chị đã ký với Ngân hàng SHB là vô hiệu.

Đối đáp với những ý kiến của anh H, chị T, đại diện Ngân hàng SHB cho rằng khi cho vợ chồng anh H, chị T vay số tiền 2000.000.000đ phía Ngân hàng đã làm đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định, cả anh H và chị T đều có mặt và Hợp đồng được lập tại Ngân hàng cả hai anh chị đều ký, chị T không có biểu hiện gì là bị đe dọa, ép buộc để ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, mặt khác Hợp đồng thế chấp tài sản còn được công chứng có mặt cả hai anh chị, hơn nữa vào thời điểm năm 2017 anh chị cũng đã làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng SHB chứ không chỉ vay một lần vào ngày 19/01/2018 nên việc anh H, chị T đề nghị tuyên Hợp đồng tín dụng vô hiệu là không có cơ sở. Đại diện Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán , Thư ký và của Hội đồng xét xử ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của pháp

luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là nghiêm túc trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, chị T. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luậnvà ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

{1}. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T nộp trong hạn luật định là hợp lệ cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

{2}. Về nội dung:

Ngày 19/01/2018, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (do ông Hoàng Xuân Q - Giám đốc chi nhánh đại diện) và vợ chồng anh Đỗ Quang H, chị Trần Thị T có ký với nhau Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 09/2018/HĐHM-CN/SHB.112100; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐTC-CN/SHB.112100 ngày 04/01/2017 được sửa đổi bổ sung ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Bắc Hà. Xét việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thì thấy:

Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều là người có năng lực pháp luật và hành vi dân sự đầy đủ, việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không trái pháp luật và đạo đức xã hội.Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, các giao dịch trên là hợp pháp và có hiệu lực bắt buộc thực hiện với các bên tham gia hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng tín dụng thấy: Sau khi ký kết hợp đồng ngày 19/01/2018, Ngân hàng đã thực hiện đúng cam kết và giải ngân giao đủ

2.000.000.000đ tiền vay cho bên vay là anh H, chị T. Điều này được thể hiện rõ trên các khế ước nhận nợ có chữ ký nhận tiền vay của anh H, chị T và được anh H, chị T thừa nhận tại phiên tòa. Ngược lại, phía anh H, chị T là bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả gốc và lãi như cam kết. Theo hợp đồng và khế ước nhận nợ thì anh H, chị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả lãi vay vào ngày 23 hàng tháng. Song quá trình thực hiện kể từ khi nhận tiền vay đến nay anh H, chị T không trả cho SHB được đồng tiền lãi nào, mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo, đốc thúc việc trả lãi theo thỏa thuận. Như vậy việc không trả lãi vay đầy đủ theo thỏa thuận của anh H, chị T là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì Ngân hàng có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Vì vậy, buộc Ngân hàng SHB phải làm khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh H, chị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nếu anh H, chị T không hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ thì Ngân hàng SHB đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SHB, buộc anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/12/2018 là 2.181.885.155 đồng là đúng pháp luật.

Xét lý do kháng cáo của anh H, chị T đưa ra là do Ngân hàng SHB cho vay dễ dãi quá và có sự nhầm lẫn vì vay không đúng mục đích là buôn bán gỗ, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, thực tế là anh Huy dùng tiền vay để tiêu sài cá nhân hết. Đồng thời chị T cho rằng khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo tiền vay cũng như khế ước nhận nợ, chị bị chồng là anh H ép buộc. Hội đồng xét xử thấy anh H, chị T đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị khuyết tật về thể chất tinh thần nên phải nhận thức được việc làm của mình, anh chị không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên phải chịu trách nhiệm với các giao dịch mình đã ký kết. Anh H, chị T đưa ra lý do như trên để chối bỏ nghĩa vụ trả nợ của mình là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp của anh H, chị T Tòa án sơ thẩm chưa xem xét, làm rõ nguồn gốc tài sản trên đất, sự thay đổi diện tích đất trên thực tế so với diện tích đất được cấp sổ đỏ (290m^2 còn là 287m^2) và phần ngõ đi của gia đình ông H1 nằm trên đất nhà anh H là chưa đủ căn cứ kết luận. Tuy nhiên, Tòa phúc thẩm đã khắc phục các thiếu sót trên của Tòa sơ thẩm. Tại biên bản làm làm việc với bộ phận địa chính xã P cho biết: Theo hồ sơ thửa đất năm 1997 thì bản đồ không thể hiện ngõ đi chung nhưng đến năm 2013 gia đình anh H làm nhà và có bớt lại một phần đất có chiều dài là 13.5m, chiều rộng là 1.4m cho hộ anh H1 làm ngõ đi. Đến năm 2015, tại bản đồ địa chính lập năm 2015. Toàn bộ phần ngõ đi này đều nằm trên phần diện tích của nhà anh H". Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 28/3/2019 ông Đỗ Văn H1 xác nhận toàn bộ diện tích ngõ đi của gia đình ông có chiều rộng là 1.4m, chiều dài là 13.5m là diện tích đất của gia đình ông H cho gia đình ông đi nhờ làm ngõ đi. Đồng thời liên quan đến tài sản là nhà trên đất thì Chị Th (con gái lớn anh H, chị T) và ông T (bố anh H) đều xác nhận đây là tài sản của anh H, chị T và không có đóng góp gì. Do vậy, cần xác định diện tích đất thực tế của anh H, chị T khi xử lý tài sản thế chấp là 290m^2 như diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng đã cung cấp bổ sung thêm biên bản cam kết ngày 04/01/2017 của anh H, chị T cam kết toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp với ngân hàng là tài sản riêng của anh chị. Nếu anh H, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Quang H, chị Trần Thị T. Cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án sơ thẩm còn thiếu sót cần rút kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, trong bản án sơ thẩm phần quyết định số tiền anh H chị T phải trả ngân hàng đã dùng từ "**tạm** tính đến hết ngày 03/12/2018 là…" là chưa chính xác

mà phải chốt được số nợ phải trả đến ngày xét xử và dùng từ "tính đến ngày xét xử sơ thẩm là…" mới đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao (ngày xét xử 05/12/2018).

Thứ hai, đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại người kháng cáo phải nộp 2.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm yêu cầu người kháng cáo nộp 300.000đ là chưa đúng. Tuy nhiên, những thiếu sót trên không ảnh hưởng đến quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H, chị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 05/12/2018 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 39. Điều 143, 144, 146, 147, 235, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 353, 357 Bộ luật dân sự; Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp- Bộ Tài Chính- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản"*; Công văn số: 43/1999/KHXX ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng, tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội.

1. Buộc anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội tổng số nợ vay tín dụng tính đến hết ngày 03/12/2018 là 2.181.885.155 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi mốt triệu tám trăm tám mươi năm nghìn một trăm năm năm đồng) trong đó: Nợ gốc là: 2.000.000.000đ ; Nợ lãi là 178.288.178 đồng và lãi phạt là: 3.596.977đồng. Nếu anh H, chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ Ngân hàng số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 12, diện tích 290m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 44, diện tích 287m^2) có địa chỉ tại: Thôn TB, xã P, thị xã T, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: K 002816 do UBND huyện T cấp ngày 20/3/1997 cho Đỗ Văn H, ngày 28/6/2011 được Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã T đính chính là Đỗ Quang H thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐTC- CN/SHB. 112100 ngày 04/01/2017, được sửa đổi bổ sung ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Bắc Hà để thu hồi nợ.

Anh H, chị T vẫn tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/12/2018 trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản nợ.

2. Về án phí: Anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T phải chịu 75.637.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội số tiền 37.145.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/03437 ngày 20/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh BN.

Về án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Quang H và chị Trần Thị T mỗi người phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận anh H, chị T

mỗi người đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng phí phúc thẩm theo biên lai số 03498 và 03499 ngày 17/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND TX. Từ Sơn;
- THADS TX. Từ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu TT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Hoàng Tuấn Anh
Đã ký